

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phiến.

2. Bà Nguyễn Thuỳ Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Nguyễn Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Lê Xuân T, sinh năm 1982;

Đăng ký thường trú: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Hiện ở tại: Tổ E, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Phan Minh Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Xuân T trình bày:

Chị T và anh Q do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 17/10/2002.

Sau khi cưới vợ chồng chị T cùng chung sống với cha mẹ chồng, thời gian đầu thì chị T và anh Q chung sống hạnh phúc, sau đó vài năm thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp. Cho đến đầu năm 2022 chị T về bên gia đình cha mẹ ruột ở huyện C tỉnh Đồng Tháp sống cho đến nay, khoảng giữa năm 2022 chị T đã làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó chị T đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian giải quyết vụ kiện kéo dài ảnh hưởng đến việc làm và không thể tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vì khi đó anh Q không đồng ý ly hôn. Nên chị T đã rút lại đơn kiện.

Sau khi chị T rút đơn kiện, thì chị đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, chung sống lại với nhau được. Vợ chồng chị T ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, mâu thuẫn càng trầm trọng; thời gian chị T về bên nhà cha mẹ ruột ở, lúc này anh Q hăm dọa kêu về, nhưng chính vì điều đó vợ chồng càng thêm mâu thuẫn. Đến nay, tình cảm của chị T với anh Q không còn, cho dù anh Q không đồng ý ly hôn, chị cũng không thể trở về sống chung được nữa.

Do đó, chị Lê Xuân T nhận thấy chị và anh Q cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phan Minh Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị T và anh Q có 02 con chung tên Phan Lê Mỹ H, sinh ngày 29/8/2003 và Phan Lê Đăng Q1, sinh ngày 03/9/2006. Khi ly hôn, con chung Phan Lê Mỹ H đã trưởng thành có thể tự lao động sinh sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T đồng ý giao con chung Phan Lê Đăng Q1 cho anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, sau khi ly hôn, hiện nay Đăng Q1 đang sống với anh Q. Chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lê Xuân T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Xuân T trình bày là không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phan Minh Q trình bày:

Anh Q thống nhất lời trình bày của chị T về việc cả hai qua mai một, tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc.

Sau đó, thì phát sinh mâu thuẫn do chị T bỏ nhà đi làm xa, mà không cho chồng biết là làm gì, không về chăm lo cho con, nên phát sinh mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng. Đến đầu năm 2022, thì chị T về bên nhà cha mẹ ruột ở, đến giữa năm 2022 chị T làm đơn ly hôn, khi đó anh Q không đồng ý ly hôn, chị T đã rút lại đơn kiện; nhưng sau đó chị T lại đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm cho đến nay.

Anh Q không biết chị T làm công việc gì, cũng không cho chồng hay biết chỗ làm việc, nên vợ chồng không có điều kiện để hòa giải; vì chị T không về nhà, nên chưa có điều kiện để vợ chồng tìm cách hàn gắn tình cảm. Do đó, anh Q đề nghị chị T về nhà, để vợ chồng cùng hòa giải và con có cha có mẹ, anh Q không đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Hai vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày, con lớn đã trưởng thành, còn cháu Q1 đang học cấp 3. Nếu phải ly hôn, anh Q yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Q1, theo nguyện vọng của cháu, muốn được sống với cha, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Minh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị T và bị đơn là anh Q đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Xuân T được ly hôn với anh Phan Minh Q; con chung: giao cháu Phan Lê Đăng Q1, sinh ngày 03/9/2006 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung: chị T, anh Q không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Xuân T có đơn khởi kiện ly hôn với anh Phan Minh Q, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Q là bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn C, huyện C,

tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp có thẩm quyền thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung vụ án

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh Q chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2002; nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, như về kinh tế gia đình anh Q không lo lắng gì được cho chị T; trong sinh hoạt vợ chồng cũng không hòa hợp; anh Q nói xấu cha mẹ vợ và vợ với hàng xóm và nhiều vấn đề mâu thuẫn khác trong cuộc sống vợ chồng, làm cho mâu thuẫn giữa chị T và anh Q ngày càng nhiều và kéo dài qua nhiều năm.

Đến đầu năm 2022 chị T đã về bên gia đình cha mẹ ruột của chị sống, đến khoảng giữa năm 2022 chị đã làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó chị rút lại đơn kiện. Tuy nhiên, việc chị T rút lại đơn kiện, không tạo cơ hội cho vợ chồng xóa bỏ những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mà chị T lên thành phố Hồ Chí Minh đi làm không về nhà với anh Q. Trong suốt khoảng thời gian này, anh Q cũng không có giải pháp gì để chị T trở về nhà, để vợ chồng cùng bên nhau, có cơ hội hóa giải những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Đến tháng 5 năm 2023 chị T tiếp tục gửi đơn xin ly hôn lần 2 và đến hiện tại, chị T anh Q không sống chung, đã có thời gian sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Q thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, khi chị T bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột sống, thì anh Q có đến kêu vợ về, và cho rằng vợ thì phải nghe lời chồng, nhưng chị T không về, nên vợ chồng càng mâu thuẫn thêm. Nhưng anh Q cũng thừa nhận, dù anh không đồng ý ly hôn, anh cũng không có giải pháp gì cụ thể, không biết phải làm gì để chị T quay trở về bên anh, để cùng chung sống yêu thương, có trách nhiệm với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy các mâu thuẫn xảy ra giữa chị T và anh Q trong quá trình chung sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng của chị T đối với anh Q không còn, mâu thuẫn giữa anh chị không thể hóa giải, anh chị đã không sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay, chị T không trở về sống chung với anh Q được nữa và mong muốn được ly hôn, cho thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh Q không

đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh Q.

[2.2.] Về nuôi con chung

Chị T và anh Q có 02 con chung, con lớn Phan Lê Mỹ H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; và cháu Phan Lê Đăng Q1, sinh ngày 03/9/2006, hiện đang sống với anh Q, chị T đồng ý giao cháu Đăng Q1 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn, theo nguyện vọng của cháu Đăng Q1, anh Q đồng ý nuôi cháu Đăng Q1 trong trường hợp ly hôn, anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đăng Q1 giữa chị T và anh Q khi ly hôn là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Q không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q đều trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Chị Lê Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4.] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Xuân T được ly hôn với anh Phan Minh Q.

2. Về nuôi con chung: Anh Phan Minh Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Lê Đăng Q1, sinh ngày 03/9/2006 (Cháu Đăng Q1 đang sinh sống với anh Q).

Chị Lê Xuân T có quyền đến thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017446 ngày 23/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (Chị T đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- UBND TT. Cái Tàu Hạ, H.Châu Thành, ĐT
(số 156 ngày 17/10/2002)
- Lưu HS vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lê Thanh Mai